



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL**

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

10 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18/05/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

**Danh sách cổ đông sáng lập**

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Số cổ phần
1	Trần Anh Vương	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận	2.173.000
2	Vũ Hữu Trí	P9 - TT144 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà	2.173.000
3	Tạ Thu Hằng	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận	130.000
4	Nguyễn Hữu Bảo	Thôn Bình Trù, xã Dương Quang, huyện Gia Lâm, thành	126.000
5	Phạm Cương	Công ty Thương nghiệp tổng hợp Thái Bình	170.000

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán BVG

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;  
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Các Công ty con của Công ty gồm :**

- Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt  
Địa chỉ: Km7, quốc lộ 18, xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh  
Tel: (84 - 241) 3617 331 Fax: (84 - 241) 3617 332
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt  
Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình  
Tel: (84 - 036) 3759 392 Fax: (84 - 036) 3759 392
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt  
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm.

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo các quy định pháp lý hiện hành đối với công ty đại chúng.

*Thay mặt Ban Giám đốc*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**



**Trần Anh Vương**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2012*

Số : 552...-12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2012

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**  
**Công ty CP Thép Bắc Việt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 được lập ngày 21 tháng 07 năm 2012 của Công ty CP Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoài sự kiện nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo soát xét được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và tám (08) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 07 bản tiếng Việt và 07 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã có ý kiến ngoại trừ về việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt ( Công ty con) cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Trong công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012 chúng tôi không thu thập được thêm các bằng chứng kiểm toán để xem xét ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên đến Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



**Ngô Bá Duy**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>204.042.283.506</b>	<b>183.862.158.943</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>691.767.084</b>	<b>1.213.619.830</b>
1 Tiền	111	V.1.	691.767.084	1.213.619.830
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>174.485.560.755</b>	<b>151.048.136.634</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	125.357.817.452	104.025.921.934
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	-	64.471.397
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	50.774.175.344	48.604.175.344
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.646.432.041)	(1.646.432.041)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>27.478.057.736</b>	<b>29.142.870.368</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	27.478.057.736	29.142.870.368
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.386.897.931</b>	<b>2.457.532.111</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		586.422.624	527.568.544
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		229.990.909	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	126.868.907	101.904.486
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	443.615.491	1.828.059.081
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>86.947.168.727</b>	<b>91.062.060.616</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.821.374.539</b>	<b>2.229.315.828</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	1.606.166.807	2.014.108.096
- Nguyên giá	222		13.323.299.423	13.323.299.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.717.132.616)	(11.309.191.327)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	-	-
- Nguyên giá	228		36.900.000	36.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.900.000)	(36.900.000)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	215.207.732	215.207.732
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8.	<b>85.125.794.188</b>	<b>88.832.744.788</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		75.632.051.400	79.396.947.400
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		9.282.000.000	9.282.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.357.743.996	4.299.798.596
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.146.001.208)	(4.146.001.208)
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>290.989.452.233</b>	<b>274.924.219.559</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ hoạt động

từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2012	01/01/2012
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>169.830.588.210</b>	<b>151.029.674.776</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>169.830.588.210</b>	<b>151.029.674.776</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	157.656.250.791	132.306.811.333
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	10.188.213.201	15.268.267.708
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	1.165.314.022	1.144.356.615
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	8.948.363	1.287.554.485
5 Phải trả người lao động	315		-	34.719.000
6 Chi phí phải trả	316	V.11.	-	201.616.868
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	403.581.229	395.496.000
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		408.280.604	390.852.767
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>121.158.864.023</b>	<b>123.894.544.783</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13.</b>	<b>121.158.864.023</b>	<b>123.894.544.783</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	5.997.059.645
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.041.535.765
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	101.906.000
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(860.851.923)	2.741.192.573
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>290.989.452.233</b>	<b>274.924.219.559</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	192.327.338.134	166.121.702.736
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10		192.327.338.134	166.121.702.736
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.15.	188.901.364.865	154.878.498.374
5 <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	20		3.425.973.269	11.243.204.362
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16.	11.262.703.760	1.960.961.133
7 Chi phí tài chính	22	VI.17.	12.494.696.622	15.961.716.839
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.192.602.318	10.726.580.619
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.7	-	168.861.754
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.8	4.833.408.608	5.734.525.473
10 <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	30		(2.639.428.201)	(8.660.938.571)
11 Thu nhập khác	31		11.044	45.614.213
12 Chi phí khác	32		966	31.582.353
13 <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		10.078	14.031.860
14 <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		(2.639.418.123)	(8.646.906.711)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17 <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	60		(2.639.418.123)	(8.646.906.711)

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2012  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		173.359.955.326	176.460.118.247
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(183.910.121.924)	(169.380.110.609)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.729.874.725)	(1.604.546.803)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(12.192.602.318)	(9.824.431.284)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(24.964.421)	(360.545.962)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.866.500.935	1.841.741.020
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(5.319.829.720)	(9.463.850.261)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(26.950.936.847)</b>	<b>(12.331.625.652)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(217.239.095)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.293.049.400)	(3.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.350.000.000	914.259.660
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22.694.043	960.961.133
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.079.644.643</b>	<b>1.654.981.698</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		165.126.317.961	138.609.944.475
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(139.776.878.503)	(138.572.748.355)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>25.349.439.458</b>	<b>37.196.120</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(521.852.746)</b>	<b>(10.639.447.834)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.213.619.830	14.091.546.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>691.767.084</b>	<b>3.452.098.935</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thông



Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18/05/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: 108.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
  - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
  - Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
  - Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
  - Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
  - Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
  - Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
  - Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
  - Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
  - Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
  - Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

*(tiếp theo)*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

**(tiếp theo)**

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.
- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :* Phương pháp kê khai thường xuyên.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - "Tài sản cố định hữu hình", Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm &gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phần mềm máy vi tính	4

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, doanh thu gia công kết cấu thép, cắt thép, doanh thu cước vận chuyển, doanh thu cầu hàng hóa và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**

**(tiếp theo)**

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng thường niên, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thực chi.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các khoản chi phí thực tế để mua sắm và xây dựng của dự án Logistic Bắc Ninh, dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ và các công trình khác được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

**10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**10.4 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với sản phẩm thép xuất khẩu và 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các mặt hàng khác.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	108.389.541	133.200.830
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	583.377.543	1.080.419.000
<i>Tiền VND</i>	570.507.376	1.068.793.170
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	357.221.393	34.322.885
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	4.536.367	5.565.226
-Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	97.926.124	846.638.132
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.158.385	-
-Ngân hàng Indovina -CN Mỹ Đình	105.616.212	75.078.296
-Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN-CN Hà Thành	3.048.895	107.188.631



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

<i>Tiền ngoại tệ</i>	<b>12.870.167</b>	<b>11.625.830</b>
-Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	2.794.301	2.789.494
-Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Hà Thành	3.320.457	2.555.236
-Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	2.564.191	2.092.381
-Ngân hàng NN&PT Nông thôn	4.191.218	4.188.719
<b>Cộng</b>	<b>691.767.084</b>	<b>1.213.619.830</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	50.774.175.344	48.604.175.344
- Nguyễn Ngọc Mẫn	171.308.036	171.308.036
- Ông Nguyễn Văn Mừng	47.520.000.000	48.000.000.000
- Công ty CP công nghiệp Bắc Việt	2.650.000.000	-
- Các đối tượng khác	432.867.308	432.867.308
<b>Cộng</b>	<b>50.774.175.344</b>	<b>48.604.175.344</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	4.606.208	-
Công cụ, dụng cụ	22.950.000	25.920.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.130.355.342	1.130.920.799
Thành phẩm	156.839.245	757.694.946
Hàng hoá	26.163.306.941	27.228.334.623
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>27.478.057.736</b>	<b>29.142.870.368</b>
<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	126.868.907	101.904.486
<b>Cộng</b>	<b>126.868.907</b>	<b>101.904.486</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư ngày 01/01/2012	1.996.114.081	5.188.931.422	5.564.286.764	573.967.156	13.323.299.423
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	1.996.114.081	5.188.931.422	5.564.286.764	573.967.156	13.323.299.423
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư ngày 01/01/2012	1.975.938.536	4.570.407.987	4.227.443.412	535.401.392	11.309.191.327
Khấu hao trong năm	20.175.545	98.188.032	265.703.544	23.874.168	407.941.289
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	1.996.114.081	4.668.596.019	4.493.146.956	559.275.560	11.717.132.616
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2012	20.175.545	618.523.435	1.336.843.352	38.565.764	2.014.108.096
Tại ngày 30/06/2012	-	520.335.403	1.071.139.808	14.691.596	1.606.166.807

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.375.965.581 VND



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

**6. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm kế toán Misa	Phần mềm quản lý Easy Biz	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2012</b>	<b>10.400.000</b>	<b>26.500.000</b>	<b>36.900.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2012	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Tặng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2012</b>	<b>10.400.000</b>	<b>26.500.000</b>	<b>36.900.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2012	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	-	-	-

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Dự án Logictis Bắc Ninh và Công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	215.207.732
<b>Cộng</b>	<b>215.207.732</b>	<b>215.207.732</b>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

8.1 Đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ phần trăm quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần trăm vốn	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc	100%	100%	31.000.000.000	31.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Bắc Việt	91%	100%	12.132.051.400	15.896.947.400
Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt	78,78%	78,78%	32.500.000.000	32.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>75.632.051.400</b>	<b>79.396.947.400</b>
8.2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh			30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt			6.222.000.000	6.222.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư & Công nghệ Hưng Việt	3.060.000.000	3.060.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.282.000.000</b>	<b>9.282.000.000</b>

**8.3 Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	4.357.743.996	-	1.452.457.000
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.905.286.996	-	2.847.341.596
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.357.743.996</b>	<b>-</b>	<b>4.299.798.596</b>

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>VND</b>	<b>120.870.294.791</b>	<b>96.952.008.999</b>
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long(1)	74.350.000.000	61.293.847.000
- Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình (2)	42.493.000.000	32.617.000.000
- Vũ Hồng Thủy	1.673.089.255	1.743.400.830
- Nguyễn Vũ Giang	93.959.099	85.067.465
- Vũ Thị Thu Hà	312.266.871	229.182.602
- Các đối tượng khác	1.947.979.566	983.511.102
<b>USD</b>	<b>36.785.956.000</b>	<b>35.354.802.334</b>
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Thăng Long (1)	20.099.596.000	19.890.740.000
- Ngân hàng Indovina -CN Đống Đa(2)	16.686.360.000	14.558.772.000
- Lê Thị Tuyết	-	905.290.334
<b>Cộng</b>	<b>157.656.250.791</b>	<b>132.306.811.333</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ.

(2) Theo HĐ hạn mức tín dụng số 019/IVBMD - HĐHM/2012 ký ngày 27/03/2012, hạn mức 3.000.000 USD, mục đích vay là sử dụng để tài trợ một phần vốn lưu động của Bên Vay, Lãi suất áp dụng cho khoản vay sẽ được xác định tại thời điểm giải ngân, lãi suất tại thời điểm 27/3 là 19,5%/năm đối với VND và 6,8%/năm đối với USD. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất 42.350 m2 tại Cụm khu công nghiệp Vinashin Đình Vũ, Hải Phòng có tổng giá trị là: 13.600.878.958 VND và toàn bộ hàng hóa tồn kho của công ty hình thành từ nguồn vốn vay ngân hàng Indovina.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND		
Thuế GTGT đầu ra	-	1.282.670.003		
Thuế thu nhập cá nhân	8.948.363	4.884.482		
<b>Cộng</b>	<b>8.948.363</b>	<b>1.287.554.485</b>		
11. Chi phí phải trả	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND		
Chi phí lãi vay	-	201.616.868		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>201.616.868</b>		
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND		
Kinh phí công đoàn	44.287.604	33.000.604		
Bảo hiểm xã hội	37.298.229	-		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	321.995.396	362.495.396		
<b>Cộng</b>	<b>403.581.229</b>	<b>395.496.000</b>		
13. Vốn chủ sở hữu				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	97.509.480.000	16.503.370.800	2.531.760.576	116.544.611.376
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	1.348.473.860	1.348.473.860
Tăng khác	-	-	900.000.000	900.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(2.039.041.863)	(2.039.041.863)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>2.741.192.573</b>	<b>116.754.043.373</b>
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	(2.639.418.123)	(2.639.418.123)
Trích lập các quỹ	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2012</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>(860.851.923)</b>	<b>113.151.998.877</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
<b>Cộng</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>97.509.480.000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp đầu kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	<b>2.039.041.863</b>

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2012
Quỹ đầu tư phát triển	5.997.059.645	721.969.780	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.041.535.765	96.262.637	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	101.906.000	48.131.319	-	150.037.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.140.501.410</b>	<b>866.363.736</b>	<b>-</b>	<b>8.006.865.146</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 75% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 10% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là quỹ thưởng ban điều hành của Công ty, được trích lập bằng 05% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hàng hoá và cung cấp dịch vụ	192.327.338.134	166.121.702.736
<b>Cộng</b>	<b>192.327.338.134</b>	<b>166.121.702.736</b>
15. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	188.901.364.865	154.878.498.374
<b>Cộng</b>	<b>188.901.364.865</b>	<b>154.878.498.374</b>
16. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.694.043	60.961.133
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	900.000.000
Lãi bán hàng trả chậm	11.240.009.717	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.262.703.760</b>	<b>1.960.961.133</b>
17. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.192.602.318	10.726.580.619
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	302.094.304	4.320.876.560
Chi phí tài chính khác	-	914.259.660
<b>Cộng</b>	<b>12.494.696.622</b>	<b>15.961.716.839</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	203.590.052.938	168.128.278.082
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	206.229.471.061	176.743.602.440
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.639.418.123)	(8.615.324.358)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.729.874.725	1.830.929.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	407.941.289	422.848.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.695.592.594	3.589.902.586
<b>Cộng</b>	<b>4.833.408.608</b>	<b>5.843.681.000</b>

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Doanh thu	Quan hệ với Công ty	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	38.256.860.685	16.631.929.426
Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	7.415.075.555	84.000.000
Bán hàng cho Công ty TNHH giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty con	-	33.955.914.294
Bán hàng cho Công ty CP Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	77.653.542.545	25.007.325.114



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(tiếp theo)

Lãi trả chậm phải thu của Công ty CP Công nghệ thép Bắc Việt	Công ty con	6.241.246.203	-
Lãi trả chậm phải thu của Công ty TNHH kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	4.998.763.514	-
<b>Mua hàng</b>			
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	1.871.488.752	12.074.597.776
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	56.797.402.950	314.552.868
Mua hàng của Công ty CP giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty con	-	37.851.594.190
Mua hàng của Công ty CP công nghiệp Bắc Việt	Công ty con	9.993.273.720	-
Mua hàng của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	8.568.419.882	1.894.174.926
<b>1.2 Số dư với các bên liên quan</b>	<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>30/06/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Công ty con	32.433.730.112	55.635.862.436
Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Công ty con	80.075.963.583	43.476.082.452
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	-	779.244.832

**2. Những thông tin khác**

**2.1 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 và Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương